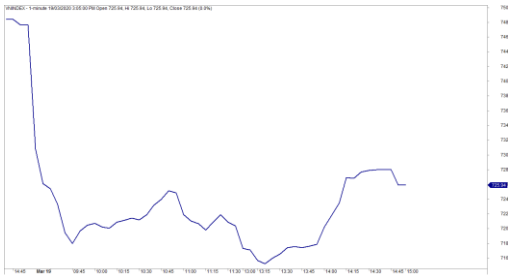


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	725.94	100.99	49.90
% ngày	-2.91%	-0.83%	-0.93%
% tuần	-5.63%	-0.91%	-2.00%
% tháng	-21.84%	-7.60%	-11.52%
% năm	-27.88%	-8.24%	-12.61%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,077	589	138
TB 1 tuần	4,601	605	259
TB 1 tháng	4,168	712	330
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	607.02	5.42	2.37
Bán	1,082.97	25.76	28.74
Giá trị ròng	-475.96	-20.34	-26.36
Độ rộng TT			
Mã Tăng	67	58	140
Mã Giảm	264	101	129
Không Đổi	61	214	634
Chỉ số chính			
P/E	11.60	8.65	13.21
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,609	194	741
LS Cổ tức	3.16%	6.02%	5.43%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Diễn biến tiêu cực từ Phố Wall đã gây ảnh hưởng tiêu cực lên diễn biến TTCK Việt Nam. Chỉ số VN-Index có lúc thủng 720 điểm nhưng lực cầu giá thấp được kích hoạt giúp VN-Index chốt phiên tại 725.94 điểm chỉ còn giảm 2.91%. Chỉ số HNX-Index giảm 0.84% đóng cửa tại 100.99 điểm trong khi Upcom-Index cũng giảm 0.93%. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt hơn 3,850 tỷ đồng toàn thị trường.

Mặc dù giảm mạnh nhưng lực cầu đỡ giá được neo giữ tốt giúp biên độ dao động giảm của các bluechip đã có sự cải thiện theo chiều hướng bớt giảm. Nhóm VN30-Index không có mã nào giảm sàn trong đó nhóm Thực phẩm và Ngân hàng có lực bán mạnh nhất cụ thể SAB(-6.6%), VNM(-6.3%), VCB(-4.8%), CTG(-4.1%), VPB(-3.5%)... Ở chiều ngược lại, nhóm Chứng khoán được giữ giá khá tốt như SSI giữ mốc tham chiếu, HCM(+1.1%).

Dòng tiền đầu cơ đã có sự thận trọng khi các cổ phiếu tăng mạnh gần đây như HQC, HAI, FIT, FLC, HHS... giảm hết biên độ.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với giá trị 522 tỷ đồng toàn thị trường. MSN(82.8 tỷ), HPG(78.4 tỷ), VNM(63.1 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, chứng chỉ ETF SSIAM VNFIN LEAD (mã FUESSEVFL) được mua ròng trên 202.4 tỷ

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể hồi phục trở lại vùng giá 730 – 740 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, áp lực bán có chiều hướng gia tăng lên nhóm cổ phiếu Penny cho nên dòng tiền nhiều khả năng sẽ dịch chuyển qua nhóm Largecaps và Midcaps. Điểm tích cực chúng tôi đánh giá là áp lực bán tháo quen thuộc không còn xảy ra như những phiên trước đó. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là nắm giữ hoặc mua mới với tỷ trọng thấp

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 773.96 điểm của chỉ số VN-Index và 106.32 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài thị trường và không bán tháo ở các nhịp giảm. Đồng thời, các NĐT cũng có thể tiếp tục nắm giữ các vị thế đã tham gia bắt đáy trước đó khi hơn 80% cổ phiếu vẫn chưa giảm dưới mức đáy của giao dịch T+2 và T+4.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 18% cổ phiếu/82% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.55	TĂNG	GIẢM	11.15	10.02	-5.38%		12.35	11.21	-9.22%	BÁN
ACB	21.10	GIẢM	GIẢM		23.48			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
ACV	48.50	GIẢM	GIẢM		59.18				65.25		
ANV	15.75	GIẢM	GIẢM		17.21				20.46		
ASM	4.95	GIẢM	GIẢM		5.56				6.48		
BFC	11.20	GIẢM	TĂNG		11.87			12.25	10.54	-8.57%	
BID	33.40	GIẢM	GIẢM		37.10				52.91		
BMP	36.05	GIẢM	GIẢM		38.96				45.49		
BSR	6.40	GIẢM	GIẢM		7.59				8.84		
BVH	37.10	GIẢM	GIẢM		43.22				62.61		
BWE	19.10	GIẢM	GIẢM		20.35				22.61		
CEO	6.90	GIẢM	GIẢM		7.55				9.26		
CII	19.70	GIẢM	GIẢM		21.85				24.91		
CMG	23.20	GIẢM	GIẢM		25.77				34.69		
CMX	10.60	GIẢM	TĂNG		12.22			13.50	9.24	-21.48%	
CSM	14.00	GIẢM	TĂNG		15.23			12.25	13.53	14.29%	
CTD	53.00	GIẢM	GIẢM		60.24			64.20	56.00	-12.77%	BÁN
CTG	20.10	GIẢM	GIẢM		23.05			23.55	24.15	2.55%	BÁN
CTR	31.80	GIẢM	GIẢM		37.22			49.70	40.69	-18.12%	BÁN
CVT	15.95	GIẢM	GIẢM		16.32				21.12		
DCM	5.95	TĂNG	TĂNG	5.60	5.33	6.25%		6.18	5.63	-3.72%	BÁN
DGC	22.50	GIẢM	GIẢM		23.54				26.66		
DGW	19.40	GIẢM	GIẢM		23.06			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHA	29.30	GIẢM	GIẢM		31.49				32.52		
DHC	34.00	GIẢM	GIẢM		38.41			37.70	36.02	-4.45%	
DHG	77.00	GIẢM	GIẢM		87.69			99.50	88.63	-10.93%	BÁN
DIG	11.60	GIẢM	GIẢM		12.40			12.55	11.62	-7.40%	
DPG	25.70	GIẢM	GIẢM		27.35				32.83		
DPM	12.05	TĂNG	GIẢM	12.05	11.96	0.00%	MUA		12.75		
DPR	36.10	GIẢM	GIẢM		36.97			41.30	36.21	-12.32%	BÁN
DQC	16.20	TĂNG	TĂNG	13.95	15.18	16.13%			15.72		
DRC	17.75	GIẢM	GIẢM		19.88				25.05		
DXG	10.65	GIẢM	GIẢM		12.08				13.70		
EIB	15.65	GIẢM	GIẢM		17.23			18.40	16.46	-10.54%	BÁN



We Create Fortune

FCN	7.45	GIẢM	GIẢM		7.63				10.51		
FMC	19.40	GIẢM	GIẢM		20.81				25.36		
FPT	47.70	GIẢM	GIẢM		51.77				56.69		
GAS	55.30	GIẢM	GIẢM		63.73				89.67		
GEX	14.20	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-2.74%			19.54		
GIL	16.95	TĂNG	GIẢM	17.20	14.93	-1.45%		18.90	17.41	-7.89%	BÁN
GMD	16.90	GIẢM	GIẢM		17.16				21.10		
GTN	13.10	GIẢM	GIẢM		15.12				19.23		
GVR	9.80	GIẢM	GIẢM		11.73				12.77		
HAG	2.98	GIẢM	GIẢM		3.28				3.78		
HAX	10.55	GIẢM	GIẢM		11.88				14.64		
HBC	8.00	GIẢM	GIẢM		8.72				12.07		
HCM	13.95	GIẢM	GIẢM		15.16				20.42		
HDB	20.90	GIẢM	GIẢM		24.03			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HDC	15.30	GIẢM	GIẢM		16.68				23.28		
HDG	19.00	GIẢM	GIẢM		21.69				29.65		
HNG	12.80	GIẢM	GIẢM		13.36				14.51		
HPG	19.15	GIẢM	GIẢM		20.59				25.00		
HSG	5.94	GIẢM	GIẢM		6.53			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	11.85	GIẢM	GIẢM		13.40			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
HUT	2.00	TĂNG	GIẢM	2.00	1.99	0.00%	MUA		2.43		
HVN	19.90	GIẢM	GIẢM		22.70				28.02		
KBC	11.30	GIẢM	GIẢM		13.23				15.94		
KDH	21.00	GIẢM	GIẢM		21.91				26.24		
KSB	14.80	GIẢM	GIẢM		16.98			19.65	17.18	-12.59%	BÁN
LCG	5.05	GIẢM	GIẢM		5.64				7.50		
LDG	6.15	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-7.66%			7.48		
LHG	12.05	GIẢM	GIẢM		12.62				16.07		
LPB	6.80	GIẢM	GIẢM		8.04			7.40	6.90	-6.77%	
MBB	16.10	GIẢM	GIẢM		17.97				22.55		
MPC	20.40	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-15.35%	
MSN	49.20	GIẢM	GIẢM		53.47				56.41		
MSR	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	14.16	1.33%			16.05		
MWG	75.60	GIẢM	GIẢM		83.93				115.75		
NDN	14.50	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
NKG	6.00	GIẢM	GIẢM		6.60				9.51		
NLG	21.00	GIẢM	GIẢM		23.77				27.39		
NT2	17.85	GIẢM	GIẢM		18.10			20.55	18.73	-8.88%	BÁN
NTL	17.00	TĂNG	GIẢM	17.50	15.04	-2.86%			22.81		

We Create Fortune

NVL	51.00	GIẢM	GIẢM		53.37				57.76		
OIL	6.50	GIẢM	GIẢM		6.70				8.11		
PAC	20.70	GIẢM	GIẢM		21.79				25.22		
PC1	11.55	GIẢM	GIẢM		12.64				17.12		
PDR	25.20	GIẢM	TĂNG		26.21			29.00	25.19	-13.10%	
PHR	41.00	GIẢM	TĂNG		45.03			47.20	38.94	-13.14%	
PLX	40.10	TĂNG	GIẢM	42.10	37.06	-4.75%			55.37		
PNJ	54.40	GIẢM	GIẢM		61.25				88.64		
POW	8.47	GIẢM	GIẢM		9.37				11.22		
PVT	8.50	GIẢM	GIẢM		9.78				13.84		
PPC	22.90	GIẢM	GIẢM		24.23			28.40	24.97	-12.09%	BÁN
PTB	40.20	GIẢM	GIẢM		48.05				68.86		
PVB	10.60	GIẢM	GIẢM		11.66				17.58		
PVD	8.20	GIẢM	GIẢM		10.16				14.16		
PVI	27.00	GIẢM	GIẢM	30.80	27.49	-10.76%	BÁN		33.18		
PVS	10.40	GIẢM	GIẢM		12.39				17.60		
PXS	3.40	GIẢM	GIẢM		4.13				5.74		
QNS	22.00	GIẢM	GIẢM		24.20				28.22		
REE	29.80	TĂNG	GIẢM	29.90	28.05	-0.33%			34.93		
SAB	127.00	GIẢM	GIẢM		157.78				192.12		
SAM	9.30	GIẢM	TĂNG		9.93			7.40	8.90	25.68%	
SCR	4.25	TĂNG	GIẢM	4.38	3.81	-2.97%			5.86		
SHI	8.38	GIẢM	TĂNG		8.47			6.99	8.30	19.89%	BÁN
SJS	18.00	GIẢM	TĂNG		18.47			17.00	16.65	5.88%	
SKG	9.44	GIẢM	GIẢM		10.15				12.01		
SSI	13.70	GIẢM	GIẢM		14.67				18.47		
STB	9.75	GIẢM	GIẢM		11.12			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TCB	17.25	GIẢM	GIẢM		19.37				23.81		
TCM	13.50	GIẢM	GIẢM		15.35				21.05		
TDH	6.90	GIẢM	GIẢM		7.80				10.57		
TLH	2.93	GIẢM	GIẢM		3.18				3.80		
TNG	12.00	GIẢM	GIẢM		13.66			15.50	13.32	-14.04%	
VCB	66.00	GIẢM	GIẢM		72.50				91.92		
VCG	24.90	GIẢM	GIẢM		25.80				26.09		
VCS	57.00	GIẢM	GIẢM		59.93				77.55		
VGC	15.20	GIẢM	GIẢM		16.95				18.80		
VGT	7.50	GIẢM	GIẢM		8.01			9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VHC	24.05	GIẢM	GIẢM		27.02				37.71		
VHM	68.50	GIẢM	GIẢM		75.50				88.68		



We Create Fortune

VIB	14.70	GIẢM	GIẢM		16.64			17.70	16.76	-5.29%	BÁN
VIC	88.70	GIẢM	GIẢM		96.85				111.22		
VIP	4.30	GIẢM	GIẢM		4.59			5.54	4.93	-11.08%	BÁN
VJC	98.00	GIẢM	GIẢM		106.24				134.24		
VND	12.95	TĂNG	GIẢM	14.40	12.67	-10.07%			14.82		
VNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.23				18.07		
VNM	89.00	GIẢM	GIẢM		102.39				114.54		
VPB	20.80	GIẢM	GIẢM		23.49			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VPI	41.65	GIẢM	TĂNG		41.91			41.30	40.58	0.85%	
VRC	6.35	TĂNG	GIẢM	6.01	5.10	5.66%			9.77		
VRE	21.90	GIẢM	GIẢM		24.26				32.30		
VSC	20.60	GIẢM	GIẢM		21.83				26.96		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.10	GIẢM	GIẢM		23.48			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
BID	33.40	GIẢM	GIẢM		37.10				52.91		
BSR	6.40	GIẢM	GIẢM		7.59				8.84		
BVH	37.10	GIẢM	GIẢM		43.22				62.61		
CTG	20.10	GIẢM	GIẢM		23.05			23.55	24.15	2.55%	BÁN
FPT	47.70	GIẢM	GIẢM		51.77				56.69		
GAS	55.30	GIẢM	GIẢM		63.73				89.67		
GEX	14.20	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-2.74%			19.54		
GVR	9.80	GIẢM	GIẢM		11.73				12.77		
HDB	20.90	GIẢM	GIẢM		24.03			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HNG	12.80	GIẢM	GIẢM		13.36				14.51		
HPG	19.15	GIẢM	GIẢM		20.59				25.00		
HVN	19.90	GIẢM	GIẢM		22.70				28.02		
KDH	21.00	GIẢM	GIẢM		21.91				26.24		
MBB	16.10	GIẢM	GIẢM		17.97				22.55		
MSN	49.20	GIẢM	GIẢM		53.47				56.41		
MWG	75.60	GIẢM	GIẢM		83.93				115.75		
NVL	51.00	GIẢM	GIẢM		53.37				57.76		
OIL	6.50	GIẢM	GIẢM		6.70				8.11		
PLX	40.10	TĂNG	GIẢM	42.10	37.06	-4.75%			55.37		
PNJ	54.40	GIẢM	GIẢM		61.25				88.64		

We Create Fortune

POW	8.47	GIẢM	GIẢM		9.37				11.22		
QNS	22.00	GIẢM	GIẢM		24.20				28.22		
REE	29.80	TĂNG	GIẢM	29.90	28.05	-0.33%			34.93		
ROS	5.63	GIẢM	GIẢM		5.85				11.45		
SBT	14.95	GIẢM	GIẢM		16.50			17.50	20.07	14.66%	BÁN
SSI	13.70	GIẢM	GIẢM		14.67				18.47		
STB	9.75	GIẢM	GIẢM		11.12			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TCB	17.25	GIẢM	GIẢM		19.37				23.81		
TPB	21.30	GIẢM	GIẢM		21.46				23.94		
VCB	66.00	GIẢM	GIẢM		72.50				91.92		
VCG	24.90	GIẢM	GIẢM		25.80				26.09		
VCS	57.00	GIẢM	GIẢM		59.93				77.55		
VEA	30.50	GIẢM	GIẢM		32.94				59.45		
VGI	21.80	GIẢM	GIẢM		24.76			28.30	24.29	-14.18%	BÁN
VHM	68.50	GIẢM	GIẢM		75.50				88.68		
VIB	14.70	GIẢM	GIẢM		16.64			15.00	16.76	11.73%	BÁN
VIC	88.70	GIẢM	GIẢM		96.85				111.22		
VJC	98.00	GIẢM	GIẢM		106.24				134.24		
VNM	89.00	GIẢM	GIẢM		102.39				114.54		
VPB	20.80	GIẢM	GIẢM		23.49			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VRE	21.90	GIẢM	GIẢM		24.26				32.30		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.55	TĂNG	GIẢM	11.15	10.02	-5.38%		13.30	11.21	-15.70%	BÁN
ANV	15.75	GIẢM	GIẢM		17.21				20.46		
ASM	4.95	GIẢM	GIẢM		5.56				6.48		
BMI	17.00	GIẢM	GIẢM		19.54				25.11		
BMP	36.05	GIẢM	GIẢM		38.96				45.49		
BWE	19.10	GIẢM	GIẢM		20.35				22.61		
CEO	6.90	GIẢM	GIẢM		7.55				9.26		
CII	19.70	GIẢM	GIẢM		21.85				24.91		
CRE	16.00	GIẢM	GIẢM		17.10				23.60		
CTI	21.70	TĂNG	GIẢM	22.20	20.69	-2.25%			23.07		
CTR	31.80	GIẢM	GIẢM		37.22			43.70	40.69	-6.88%	BÁN
D2D	49.50	GIẢM	TĂNG		53.20			64.00	47.92	-22.66%	BÁN

We Create Fortune

DBD	45.80	GIẢM	GIẢM		48.50				54.53		
DCM	5.95	TĂNG	TĂNG	5.60	5.33	6.25%		6.18	5.63	-3.72%	BÁN
DGW	19.40	GIẢM	GIẢM		23.06			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHC	34.00	GIẢM	GIẢM		38.41			37.70	36.02	-4.45%	
DIG	11.60	GIẢM	GIẢM		12.40			13.20	11.62	-11.96%	
DPG	25.70	GIẢM	GIẢM		27.35				32.83		
DPM	12.05	TĂNG	GIẢM	12.05	11.96	0.00%	MUA		12.75		
DRC	17.75	GIẢM	GIẢM		19.88				25.05		
DXG	10.65	GIẢM	GIẢM		12.08				13.70		
E1VFN30	11.15	GIẢM	GIẢM		12.37				15.18		
FCN	7.45	GIẢM	GIẢM		7.63				10.51		
FLC	3.62	TĂNG	GIẢM	3.89	3.42	-6.94%			4.50		
GEG	20.55	GIẢM	GIẢM		22.26				24.79		
GMD	16.90	GIẢM	GIẢM		17.16				21.10		
GTN	13.10	GIẢM	GIẢM		15.12				19.23		
HAG	2.98	GIẢM	GIẢM		3.28				3.78		
HBC	8.00	GIẢM	GIẢM		8.72				12.07		
HCM	13.95	GIẢM	GIẢM		15.16				20.42		
HDC	15.30	GIẢM	GIẢM		16.68				23.28		
HDG	19.00	GIẢM	GIẢM		21.69				29.65		
HPX	28.00	TĂNG	#N/A	27.75	26.69	0.90%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	5.94	GIẢM	GIẢM		6.53			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	11.85	GIẢM	GIẢM		13.40			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
HTM	12.00	TĂNG	GIẢM	12.50	10.21	-4.00%		20.00	15.34	-23.28%	BÁN
IBC	20.90	TĂNG	GIẢM	20.80	20.16	0.48%			21.22		
IDI	3.80	GIẢM	GIẢM		4.13				4.85		
IJC	9.77	GIẢM	GIẢM		10.78				15.20		
ITA	2.11	GIẢM	GIẢM		2.21				2.57		
KBC	11.30	GIẢM	GIẢM		13.23				15.94		
KDC	16.40	GIẢM	GIẢM		17.49				19.95		
KOS	27.40	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	4.18%	
KSB	14.80	GIẢM	GIẢM		16.98			19.10	17.18	-10.08%	BÁN
LDG	6.15	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-7.66%			7.48		
LPB	6.80	GIẢM	GIẢM		8.04			7.40	6.90	-6.77%	
MBG	9.90	GIẢM	GIẢM		14.24				25.96		
MBS	9.00	GIẢM	GIẢM		9.97				12.76		
MPC	20.40	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-15.35%	
NBB	19.50	TĂNG	GIẢM	20.05	17.99	-2.74%			21.34		



We Create Fortune

NKG	6.00	GIẢM	GIẢM		6.60				9.51		
NLG	21.00	GIẢM	GIẢM		23.77				27.39		
NT2	17.85	GIẢM	GIẢM		18.10			20.55	18.73	-8.88%	BÁN
NTL	17.00	TĂNG	GIẢM	17.00	15.04	0.00%	MUA		22.81		
NVB	8.50	GIẢM	GIẢM		9.11			8.50	8.62	1.36%	
OGC	2.97	GIẢM	GIẢM		3.20				3.70		
PC1	11.55	GIẢM	GIẢM		12.64				17.12		
PDR	25.20	GIẢM	TĂNG		26.21			23.59	25.19	6.80%	
PHR	41.00	GIẢM	TĂNG		45.03			47.20	38.94	-13.14%	
PPC	22.90	GIẢM	GIẢM		24.23			28.40	24.97	-12.09%	BÁN
PTB	40.20	GIẢM	GIẢM		48.05				68.86		
PVD	8.20	GIẢM	GIẢM		10.16				14.16		
PVI	27.00	GIẢM	GIẢM	30.80	27.49	-10.76%	BÁN		33.18		
PVS	10.40	GIẢM	GIẢM		12.39				17.60		
PVT	8.50	GIẢM	GIẢM		9.78				13.84		
QCG	9.49	TĂNG	TĂNG	4.00	9.39	137.25%		4.28	4.40	121.73%	
SCR	4.25	TĂNG	GIẢM	4.25	3.81	0.00%	MUA		5.86		
SGP	5.10	GIẢM	GIẢM		5.67				7.68		
SHB	11.80	GIẢM	TĂNG		12.10			7.10	9.06	66.20%	
SHS	6.70	GIẢM	GIẢM		7.51			7.90	7.28	-7.83%	BÁN
SZC	14.30	GIẢM	GIẢM		15.98			17.85	14.73	-17.46%	BÁN
TCH	22.55	GIẢM	GIẢM		25.30				38.78		
TCM	13.50	GIẢM	GIẢM		15.35				21.05		
TDH	6.90	GIẢM	GIẢM		7.80				10.57		
TNG	12.00	GIẢM	GIẢM		13.66			15.50	13.32	-14.04%	
TTB	2.94	GIẢM	GIẢM		3.11				5.31		
VGC	15.20	GIẢM	GIẢM		16.95				18.80		
VGT	7.50	GIẢM	GIẢM		8.01			9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VHC	24.05	GIẢM	GIẢM		27.02				37.71		
VND	12.95	TĂNG	GIẢM	14.40	12.67	-10.07%			14.82		
VNG	14.00	GIẢM	GIẢM		14.23				18.07		
VPI	41.65	GIẢM	TĂNG		41.91			41.30	40.58	0.85%	

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	4.70	GIẢM	GIẢM		5.41				7.88		
AGR	2.88	GIẢM	GIẢM		3.06				3.76		
AMD	4.84	TĂNG	TĂNG	2.35	4.76	105.96%		3.06	1.94	58.17%	
APG	8.30	GIẢM	GIẢM		9.41			9.90	9.37	-5.31%	BÁN
ART	3.10	TĂNG	TĂNG	3.10	2.76	0.00%		2.30	2.12	34.78%	
BCG	5.44	GIẢM	GIẢM		6.27				7.24		
C4G	4.30	GIẢM	GIẢM		4.85				6.94		
C69	4.80	GIẢM	GIẢM		5.97				10.52		
CCL	5.09	GIẢM	GIẢM		5.71				7.40		
CVT	15.95	GIẢM	GIẢM		16.32				21.12		
DAH	8.36	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.80	TĂNG	GIẢM	1.93	1.64	-6.74%			2.21		
DRH	4.77	GIẢM	TĂNG		5.01			4.70	4.74	1.49%	
DTD	10.00	GIẢM	GIẢM		11.09			12.40	10.14	-18.21%	BÁN
EVG	2.41	GIẢM	GIẢM		2.53				2.73		
FIT	6.90	TĂNG	GIẢM	7.00	6.42	-1.43%			9.11		
FTM	1.68	GIẢM	GIẢM		1.76				2.92		
FUES SV50	10.30	GIẢM	GIẢM		10.95				12.88		
GKM	15.50	GIẢM	TĂNG	15.00	15.66	4.40%	BÁN	14.90	14.87	4.03%	
HAH	8.86	GIẢM	GIẢM		9.72				11.79		
HAI	4.54	TĂNG	TĂNG	3.04	4.32	49.34%		3.34	2.09	35.93%	
HAR	2.90	TĂNG	GIẢM	3.07	2.67	-5.54%			4.02		
HDA	7.00	GIẢM	GIẢM		7.37				9.03		
HHP	12.80	TĂNG	TĂNG	13.80	12.49	-7.25%		13.20	11.66	-3.03%	
HHS	3.76	GIẢM	GIẢM		4.32			3.36	4.15	23.53%	BÁN
HID	2.78	GIẢM	TĂNG		3.13			2.63	2.30	5.70%	
HII	13.10	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	19.09%	
HQC	1.29	TĂNG	TĂNG	1.15	1.23	12.17%		1.15	0.89	12.17%	
HSL	4.80	GIẢM	GIẢM		4.99				7.15		
HUT	2.00	TĂNG	GIẢM	2.00	1.99	0.00%	MUA		2.43		
HVG	5.93	GIẢM	GIẢM		6.66				8.43		
HVH	8.60	GIẢM	GIẢM		9.86				13.59		
IDJ	15.60	GIẢM	TĂNG		16.43			7.20	12.83	116.67%	BÁN



We Create Fortune

JVC	2.94	GIẢM	GIẢM		3.33				3.79		
KLF	1.90	TĂNG	TĂNG	1.60	1.74	18.75%		1.50	1.33	26.67%	
LCG	5.05	GIẢM	GIẢM		5.64				7.50		
LGL	4.73	GIẢM	GIẢM		5.39				7.04		
LHG	12.05	GIẢM	GIẢM		12.62				16.07		
LMH	1.48	GIẢM	GIẢM		1.71				3.88		
MST	4.70	GIẢM	GIẢM		5.55			3.40	5.47	60.93%	BÁN
NDN	14.50	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
PHC	9.90	GIẢM	GIẢM		10.51				11.50		
PLP	7.55	GIẢM	GIẢM	10.05	9.60	-4.52%	BÁN		10.52		
PVB	10.60	GIẢM	GIẢM		11.66				17.58		
PVC	4.90	GIẢM	GIẢM		5.47				6.78		
PVX	0.90	GIẢM	GIẢM		1.07				1.29		
PXL	8.00	TĂNG	TĂNG	8.10	7.37	-1.23%		6.70	6.88	19.40%	
SHI	8.38	GIẢM	TĂNG		8.47			5.77	8.30	45.36%	BÁN
SJF	1.40	TĂNG	GIẢM	1.50	1.31	-6.67%			2.05		
SPP	1.30	GIẢM	GIẢM		1.48				2.01		
TDC	7.04	GIẢM	GIẢM		7.79				8.84		
TIG	5.20	GIẢM	GIẢM		6.25			3.20	5.94	85.76%	
TLH	2.93	GIẢM	GIẢM		3.18				3.80		
TNA	14.80	GIẢM	GIẢM		16.99				21.92		
TNI	10.10	GIẢM	TĂNG		10.19			10.90	9.99	-7.34%	BÁN
TSC	2.30	TĂNG	GIẢM	2.31	2.13	-0.43%			2.89		
TTF	2.49	GIẢM	TĂNG		2.71			2.85	2.40	-12.63%	
TTH	2.30	GIẢM	GIẢM		2.41				2.88		
TVC	28.30	GIẢM	TĂNG		30.17			14.30	26.65	97.90%	
VC3	15.40	GIẢM	GIẢM		15.82				17.32		
VCR	9.30	GIẢM	TĂNG		10.56			12.90	7.61	-27.91%	
VNA	2.30	GIẢM	GIẢM		2.56				3.80		
VNE	3.55	GIẢM	TĂNG		3.77			3.85	3.41	-7.79%	
VRC	6.35	TĂNG	GIẢM	6.01	5.10	5.66%			9.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	725.94	-2.91%
VN30	679.55	-3.01%
VN Mid	745.98	-1.86%
VN Small	653.83	-2.12%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	607.02	
Bán	1082.97	
GT rỗng	-475.96	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	360	6.83%
DBC	1100	6.29%
NT2	800	4.69%
TIX	1100	3.70%
STK	450	3.02%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAI	-340	-6.97%
QCG	-710	-6.96%
PTB	-3000	-6.94%
FLC	-270	-6.94%
HHS	-280	-6.93%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	301,036	
VCB	257,025	
VHM	228,621	
VNM	165,431	
BID	138,961	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HQC	36,623,810	8,419,697
AMD	35,482,420	5,868,620
HAI	23,317,670	6,847,054
FUESSVFL	20,123,940	13,590
FLC	19,550,320	12,060,599

Nguồn: Bloomberg & YSVN

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	100.99	-0.83%
HN30	182.81	-0.95%
VNX AllSh	659.12	-2.69%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.42	
Bán	25.76	
GT rỗng	-20.34	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	100	5.26%
L14	1100	2.25%
VC3	0	0.00%
VCG	0	0.00%
TAR	-100	-0.31%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PVI	-2300	-7.85%
TNG	-700	-5.51%
NVB	-300	-3.41%
AMV	-300	-2.17%
PVS	-200	-1.89%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,118	
SHB	20,889	
VCG	10,999	
VCS	9,216	
PVI	6,771	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
KLF	29,773,530	3,636,244
ART	10,912,644	3,325,886
HUT	8,699,732	2,692,567
ACB	8,183,927	6,846,738
PVX	6,495,460	1,408,867

Nguồn: Bloomberg & YSVN

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	49.9	-0.93%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	2.37	
Bán	28.74	
GT rỗng	-26.36	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BDT	2000	13.79%
NTC	2700	1.99%
OIL	100	1.56%
MPC	300	1.49%
TBD	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACV	-2700	-5.27%
BSR	-300	-4.48%
CTR	-900	-2.75%
QNS	-600	-2.65%
VIB	-400	-2.65%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	111,438	
VEA	40,974	
MCH	40,958	
BCM	21,522	
BSR	20,863	

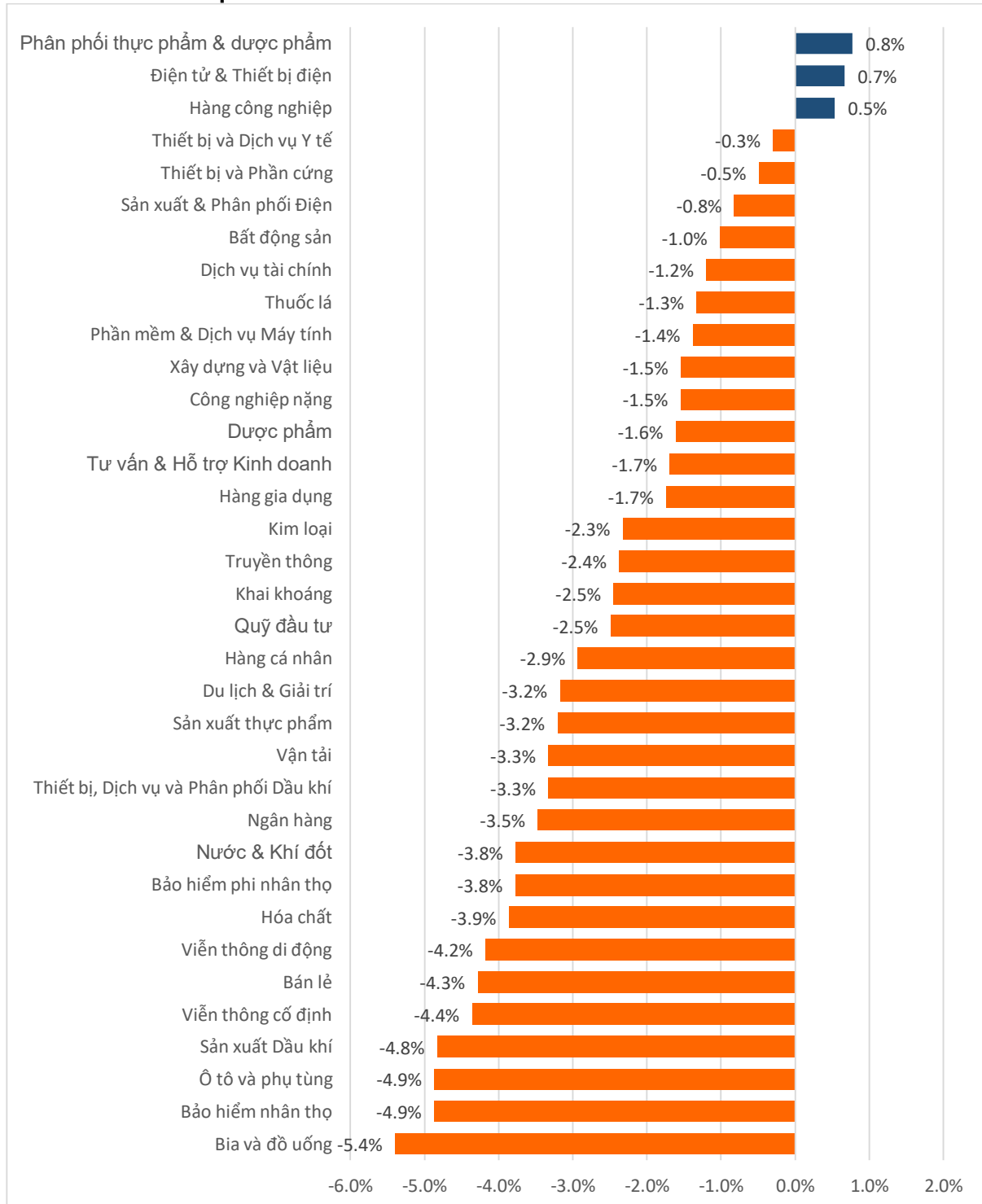
KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	3,181,479	2,758,425
LPB	1,682,093	3,347,554
VIB	830,288	1,892,769
BAB	507,600	2,786
G36	434,600	455,735

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



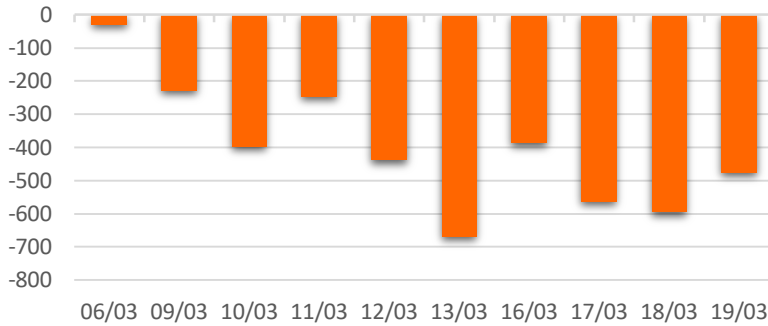
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

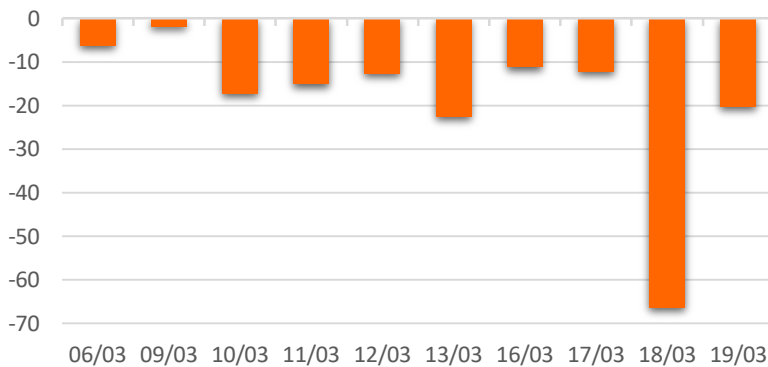
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
FUESSVFL	202,431	MSN	82,860
SCS	2,843	HPG	78,434
CTG	1,523	VNM	63,188
KDH	1,179	VHM	58,197
PHR	807	E1VFN30	56,550

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

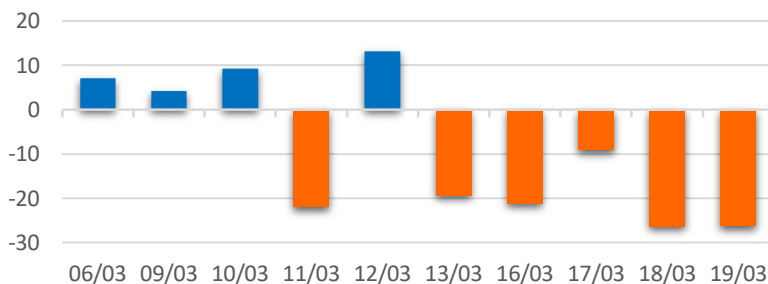
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHS	1,350	HUT	12,669
KLF	811	PVS	6,971
BVS	398	TNG	1,920
WCS	226	TIG	1,001
ART	174	SHB	376

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HND	29	BSR	7,137
EMS	23	ACV	5,175
HDM	16	QNS	4,695
KDF	16	LPB	3,304
VLC	3	NTC	2,452

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



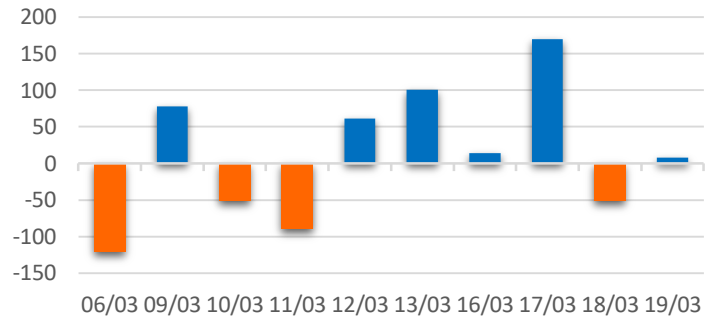
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

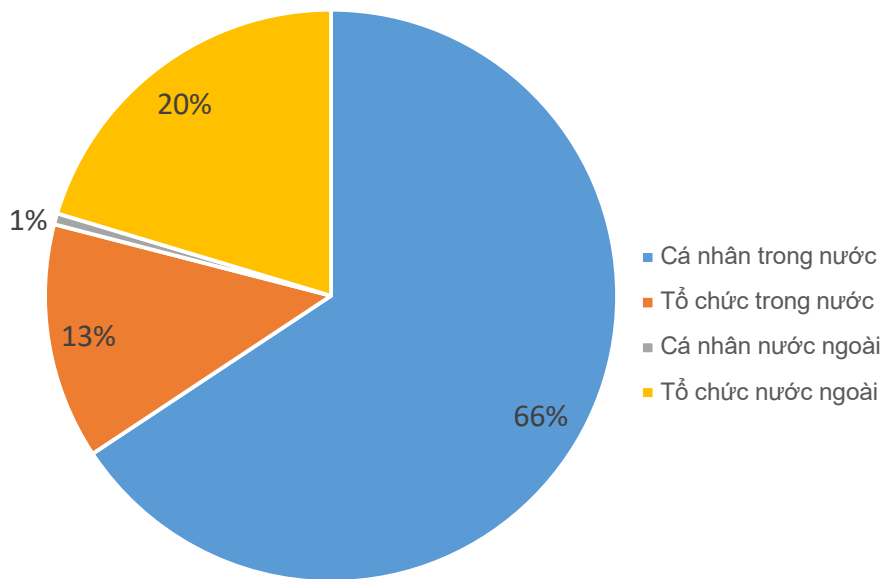
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	66,425	MWG	15,800
FPT	12,103	MSN	12,611
HPG	10,786	VPB	10,240
MSN	10,226	E1VFN30	9,824
VCB	5,823	HPG	9,107

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

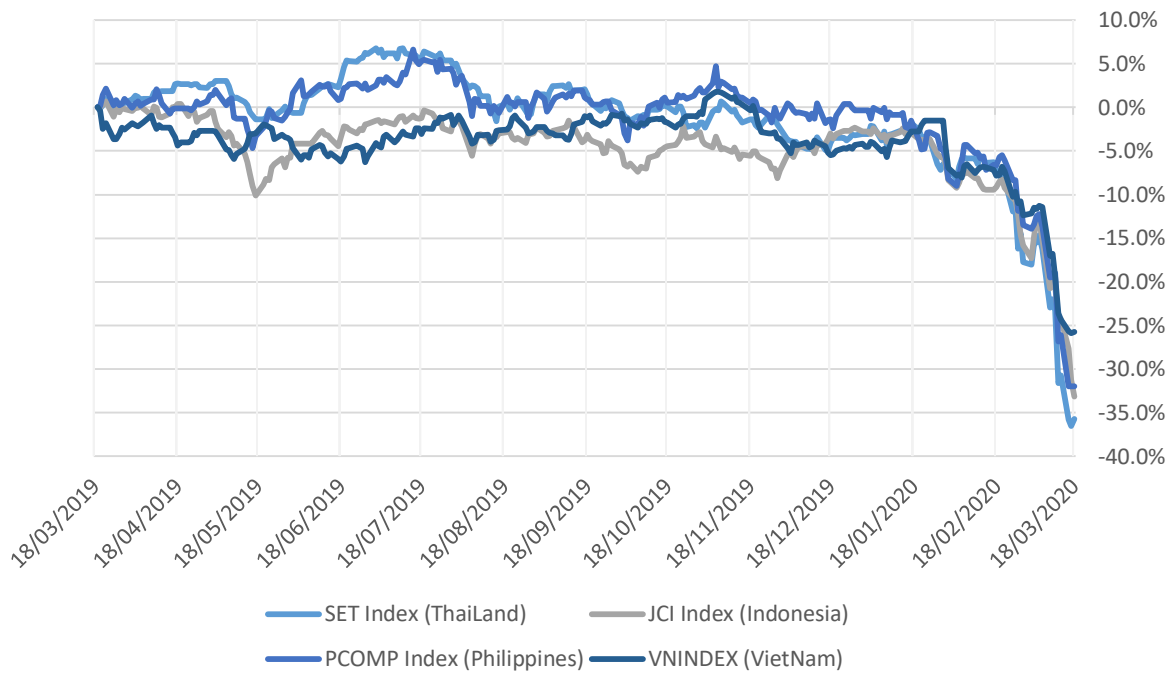


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

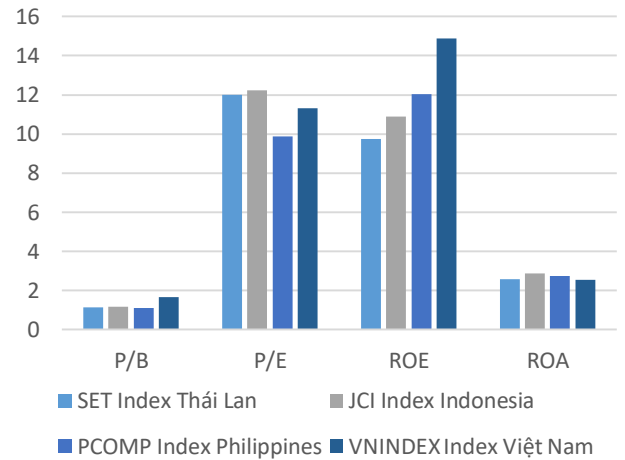
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.1x	1.2x	1.2x	1.7x
P/E		12.0x	12.8x	11.4x	11.7x
ROE	%	9.75	10.89	12.03	14.89
ROA	%	2.58	2.88	2.74	2.54
Vốn hóa	Tỷ USD	341.86	340.29	131.10	111.82
GTGD	Triệu USD	1.94	0.37	0.11	0.13
LS cổ tức	%	4.93	3.70	2.35	2.50

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written